

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH B PHƯỚC**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 05/6/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH B PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Danh Quyền**

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 209/2018/TLST - HNGĐ ngày 29/3/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST- HNGĐ ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Bị đơn: **Ông Nguyễn Hữu H**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện P, B Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh B Phước (nay là xã B, huyện P, tỉnh B Phước) vào năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường hay uống rượu, cứ mỗi lần uống rượu say lại chửi bới, đánh đập bà. Ông H đánh đập bà rất nhiều lần khiến cho bà không thể chịu đựng nổi nên cuối năm 2017, bà đã phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống. Trong quá trình sống

ly thân nhau, vợ chồng không gặp nhau bàn cách khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Đến nay, tình cảm của bà giành cho ông H không còn nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 19/6/2009 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 19/6/2015. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được nuôi 02 người con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước B, huyện Phước Long, tỉnh B Phước (nay là xã B Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước) vào năm 2009.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, chỉ thỉnh thoảng có cãi vã nhau xong rồi thôi. Nhưng trước tết Âm lịch năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi đi làm về bà L không nấu cơm nên ông đã tự đi nấu cơm, khi dọn cơm lên bà L không ăn tức quá ông H mới đánh bà L nên bà L đưa con về nhà ngoại ở. Ngày hôm sau, bà L quay về nhà nói muốn ly hôn với ông nên ông đã đuổi bà L đi. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhau, ông đã nhiều lần đến nhà bố mẹ vợ xin lỗi bố mẹ vợ và năm nỉ bà L về nhà nhưng bà L không đồng ý. Tình cảm của ông giành cho bà L vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông và bà L có 02 người con chung cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 19/6/2009 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 19/6/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu B, và bà L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ánh L.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và H giải nhưng ông H đều không có mặt, do đó, Tòa án không thực hiện được thủ tục hòa giải đối với các đương sự.

Ngày 18/5/2018, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông H không có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 05/6/2018.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông H và đề nghị được nuôi dưỡng cả 2 con chung. Ông H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

2. Về nội dung:

** Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông H tự nguyện xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân P, huyện P, tỉnh B Phước (nay là xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước) vào ngày 26/8/2009. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo lời trình bày của bà L thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông H thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa phương, thể hiện: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, ông H thường hay đánh bà L, không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình, địa phương đã H giải nhưng không có kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà L đúng như bà L trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải. Như vậy, ông H không đồng ý ly hôn nhưng bỏ mặc, không muốn hòa giải với bà L. Chứng tỏ ông H không tha thiết hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông H và bà L do ông H thường hay uống rượu, hay đánh đập bà L, thiếu trách nhiệm với

gia đình, đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2017 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L với ông H là phù hợp với quy định pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 19/6/2009 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 19/6/2015. Bà L yêu cầu được nuôi cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2018, ông H yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 19/6/2015 cho đến khi trưởng thành.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà L, ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Biên bản xác minh ngày 17/4/2018 tại địa phương, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung cho bà L nuôi dưỡng vì ông H làm thợ hồ, thường hay về trễ, ông H lại hay uống rượu nên không đảm bảo chăm sóc các con. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của địa phương là phù hợp vì việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, thu nhập và khả năng nuôi dạy con phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu Nguyễn Thị Ánh L có nguyện vọng ở với mẹ (bà L) vì bố (ông H) thường hay uống rượu say rồi đánh đập, chửi mắng bà L, cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 19/6/2015 hiện còn nhỏ chưa được 36 tháng tuổi. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định về thể chất cũng như tinh thần của các cháu nên cần tiếp tục giao cả hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong thời gian nuôi con, bà L phải tạo mọi điều kiện tốt nhất cho ông H qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh L, sinh ngày 19/6/2009 và cháu Nguyễn Hữu B, sinh ngày 19/6/2015 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026343 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh B Phước;
- UBND xã;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đinh Thị Hải